

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ- ST
Ngày 16- 01- 2020
V/v Ly hôn giữa chị H1, anh T1.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thúy;
2. Bà Phạm Hồng Thiêm.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 16- 01- 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 295/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 20- 06- 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T3, xã T4, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Đình T5, sinh ngày 16- 08- 1983; Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08- 10- 2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị H1 trình bày: Chị và anh T5 tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T 1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 21- 09- 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình chồng ở xã T1. Năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp; cũng từ đó vợ chồng sống ly thân. Hiện nay, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị có nguyện vọng

ly hôn anh T5; hiện nay chị không mang thai. Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Huyền Thảo M1, sinh ngày 22- 02- 2009, hiện đang sống cùng chị; chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T5 cấp dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 25- 12- 2019, bị đơn là anh T5 trình bày giống nguyên đơn về việc kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn, về việc hiện nay vợ chồng không sống cùng nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau; về con chung; về việc không có tài sản chung. Anh đồng ý ly hôn; đồng ý để chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại đơn đề nghị ngày 16- 10- 2019, con chung của anh chị là Vũ Huyền Thảo M1 có nguyện vọng sống cùng mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc; mặt khác, nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 1; Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị H1 và anh T5 là tự nguyện và hợp pháp. Vợ chồng mâu thuẫn từ lâu nhưng không có biện pháp hòa giải nên hiện nay vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị H1- anh T5 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị H1 ly hôn anh T5.

[3]. Về con chung: Chị H1 và anh T5 đều xác định: Vợ chồng có 01 con chung. Chị H1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; con chung có nguyện vọng ở với mẹ nên cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H1 không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T5.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định: Vợ chồng không có tài sản chung nên nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị H1 phải chịu 300.000, đồng án phí ly hôn

sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H1 ly hôn anh Vũ Đình T5.

2. Về con chung: -Vợ chồng chị H1- anh T5 có 01 con chung là Vũ Huyền Thảo M1, sinh ngày 22- 02- 2009. Xử giao cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị H1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002013 ngày 16- 10- 2019 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị H1 đã nộp đủ án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình;
- VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tông